

BỘ NỘI VỤ**BỘ NỘI VỤ**

Số: 107/2005/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH****VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT BẢN ĐIỀU LỆ CỦA HỘI
KHOA HỌC LỊCH SỬ VIỆT NAM****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam đã được Đại hội lần thứ V ngày 16 tháng 6 năm 2005 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đặng Quốc Tiến

09686442

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐIỀU LỆ****Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam**

*(Ban hành theo Quyết định số 107/2005/QĐ-BNV
ngày 14 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I**TÊN GỌI, TÔN CHỈ,
MỤC ĐÍCH****Điều 1. Tên gọi**

1. Tên của Hội là: Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.
2. Tên viết bằng tiếng Anh: Vietnamese Association of Historical Sciences.
3. Viết tắt: VAHS.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam là tổ chức xã hội nghề nghiệp; tập hợp các tổ chức, cá nhân Việt Nam hoạt động trong các ngành khoa học lịch sử và những ngành có liên quan mật thiết với khoa học lịch sử góp phần xây dựng, phát triển khoa học lịch sử Việt Nam, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình, môi sinh và phát triển quan hệ đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia nghiên cứu, học tập, giáo dục lịch sử.

Hội là thành viên của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Hội hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải kinh phí.
2. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước trong lĩnh vực khoa học lịch sử.
3. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng và tài khoản riêng tại Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước. Trụ sở Hội đặt tại Thủ đô Hà Nội. Hội có văn phòng đại diện tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khu vực.

Chương II**NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN****Điều 4. Nhiệm vụ của Hội**

1. Tập hợp, đoàn kết, giúp đỡ hội viên trong việc nghiên cứu, học tập, phổ biến

và cập nhật thông tin để nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác, góp phần đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên môn ngành sử học.

2. Tư vấn, hợp tác giữa các hội viên ở Trung ương và địa phương trong việc đào tạo, học tập để nâng cao trình độ về mọi mặt; động viên quần chúng nhân dân tham gia công tác sưu tầm, bảo quản, bảo vệ tài liệu lịch sử, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể; tham gia nghiên cứu và biên soạn lịch sử địa phương, lịch sử các ngành.

3. Đề xuất với các cơ quan Đảng, Nhà nước về các chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển ngành sử học Việt Nam.

4. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong lĩnh vực sử học theo quy định của pháp luật để học tập, trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ sự giúp đỡ và tạo điều kiện cho Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phát triển.

5. Tư vấn, phản biện và giám định xã hội đối với các dự án công trình, đề tài nghiên cứu của Nhà nước và xã hội có liên quan đến khoa học lịch sử khi có yêu cầu.

6. Bảo vệ danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của các hội viên phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 5. Quyền hạn của Hội

1. Đại diện cho các tổ chức thành viên và hội viên trong các hoạt động có liên

quan đến tôn chỉ, mục đích và nhiệm vụ của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

2. Triển khai các đề tài nghiên cứu khoa học, cung cấp các hoạt động dịch vụ đối với các tổ chức hay cá nhân có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Bảo trợ cho hội viên triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham gia đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học, dự án thuộc lĩnh vực khoa học lịch sử khi có yêu cầu.

4. Tổ chức hội thảo khoa học, xuất bản sách, tạp chí của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Tổ chức các diễn đàn khoa học, các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nhằm nâng cao hiểu biết cho hội viên và quần chúng yêu thích lịch sử.

6. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật.

7. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

8. Hội được gia nhập Hội sử học quốc tế và khu vực theo quy định của pháp luật.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 6. Tiêu chuẩn và hình thức hội viên

Hội viên Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự.

1. Hội viên chính thức:

Công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, trên đại học ở trong và ngoài ngành sử học đang làm việc tại các cơ quan nhà nước hay các tổ chức tư nhân hoặc đã nghỉ hưu, không vi phạm pháp luật, có tâm huyết với ngành sử học, tán thành tôn chỉ, mục đích của Hội, tự nguyện nộp đơn xin gia nhập Hội đều có thể được kết nạp làm hội viên của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

2. Hội viên danh dự:

Công dân Việt Nam hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, xã hội có uy tín, có đóng góp cho hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ Hội thì được Hội suy tôn là hội viên danh dự của Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam.

Điều 7. Điều kiện trở thành hội viên

Công dân Việt Nam muốn trở thành Hội viên chính thức Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam phải có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 6 của Điều lệ này.

Điều 8. Thủ tục kết nạp hội viên chính thức

Những người muốn tham gia sinh hoạt Hội phải tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội để Ban Thường vụ xem xét trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 9. Thủ tục xóa tên hội viên

1. Hội viên bị xóa tên trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Vi phạm đạo đức nghề nghiệp;

c) Vi phạm Điều lệ Hội, không chấp hành Nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành, làm mất uy tín của Hội.

2. Hội viên có nguyện vọng xin thôi sinh hoạt Hội hoặc bị chết thì được xóa tên.

3. Thủ tục xóa tên: Việc xóa tên hội viên do Trưởng ban Ban Tổ chức và Hội viên đề nghị, Ban Thường vụ Hội xem xét trình Chủ tịch Hội quyết định.

4. Sau khi có quyết định xóa tên hội viên, Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo đến hội viên bị xóa tên.

Điều 10. Nhiệm vụ của Hội viên

1. Thi hành nghiêm chỉnh các chủ trương chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước; thực hiện Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của Hội, tham gia sinh hoạt Hội và đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn.

2. Tuyên truyền mở rộng ảnh hưởng và uy tín của Hội; vận động quần chúng hưởng ứng mọi hoạt động của Hội; tích cực tham gia công tác phát triển hội viên.

3. Chăm lo xây dựng đoàn kết trong Hội, đấu tranh chống những tư tưởng,

hành động có hại đến thanh danh, uy tín và sự đoàn kết của Hội.

4. Tích cực học tập, nghiên cứu khoa học không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ góp sức mình vào việc bảo quản các di tích, di vật, các tài liệu lịch sử, di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

Điều 11. Quyền của hội viên

1. Được trực tiếp tham gia các hoạt động của Hội; được tham gia các khóa bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các cuộc hội thảo khoa học do Hội tổ chức hoặc phối hợp tổ chức.

2. Được Hội bảo trợ, tạo điều kiện để thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về những vấn đề liên quan đến lịch sử.

3. Yêu cầu Hội bảo vệ lợi ích hợp pháp trong hoạt động nghề nghiệp của cá nhân hội viên khi bị xâm phạm.

4. Kiến nghị với Hội để đề nghị cơ quan nhà nước về những vấn đề sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện những chủ trương, chính sách có liên quan đến hoạt động của Hội.

5. Hội viên chính thức được ứng cử, đề cử và bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội; được tham dự và biểu quyết trong các hội nghị của Hội. Hội viên chính thức được quyền ủy quyền cho hội viên chính thức khác thực hiện các quyền của mình. Hội viên danh dự không có quyền ứng cử, bầu cử và biểu quyết các vấn đề của Hội.

6. Được làm đơn xin ra khỏi Hội khi xét thấy không đủ điều kiện tiếp tục tham gia Hội.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 12. Tổ chức của Hội

1. Hội được tổ chức theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số.

2. Tổ chức của Hội gồm:

a) Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên;

b) Ban Chấp hành (sau đây viết tắt là BCH);

c) Thường trực Ban chấp hành;

d) Ban Kiểm tra;

e) Văn phòng và các Ban chuyên môn;

g) Hội thành viên (là các Hội chuyên ngành, Hội địa phương, chi Hội cơ sở được thành lập theo quy định của pháp luật).

Điều 13. Đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể hội viên của Hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể hội viên (sau đây gọi chung là đại hội). Nhiệm kỳ của Đại hội là 5 năm một lần do BCH Hội triệu tập. Trường hợp cần thiết BCH Hội có thể triệu tập Đại hội bất thường. Đại hội bất

thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 số Ủy viên BCH Hội hoặc ít nhất 1/2 tổng số Hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội có nhiệm vụ sau:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội trong nhiệm kỳ và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hội trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hội (nếu có);

c) Thông qua Báo cáo thu, chi tài chính nhiệm kỳ trước và kế hoạch thu, chi tài chính nhiệm kỳ mới, quyết định mức thu hội phí theo từng loại Hội viên;

d) Quyết định số lượng thành viên BCH Hội, bầu BCH Hội nhiệm kỳ mới.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Các thành viên của BCH Hội bao gồm những người có uy tín, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm quản lý, điều hành, có phẩm chất đạo đức tốt.

2. BCH Hội là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa hai nhiệm kỳ Đại hội, BCH Hội họp mỗi năm 1 lần. Trường hợp cần thiết thì tổ chức họp Hội nghị bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập khi có quá 1/2 số thành viên BCH yêu cầu.

3. Giữa 2 nhiệm kỳ Đại hội nếu thiếu từ 4 Ủy viên BCH trở lên thì BCH được bầu bổ sung thêm số Ủy viên BCH.

4. BCH Hội bầu ra Chủ tịch và từ 2 đến 3 Phó Chủ tịch trong số Ủy viên BCH.

5. BCH Hội có nhiệm vụ:

a) Sau khi kết thúc Đại hội, BCH phải họp để bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực, Tổng Thư ký và bầu Ban Kiểm tra của Hội;

b) Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành hoặc các kỳ sinh hoạt Hội viên hàng năm;

c) Xây dựng chương trình hoạt động của BCH hàng năm, cả nhiệm kỳ và tổ chức thực hiện chương trình theo Nghị quyết Đại hội;

d) Báo cáo tổng kết hàng năm, xây dựng mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu năm sau;

e) Chuẩn bị văn kiện Đại hội, Quyết định triệu tập Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường;

g) Lãnh đạo thực hiện Điều lệ Hội.

Điều 15. Ban Thường trực Hội

1. Ban Thường trực Hội là cơ quan thường trực của BCH, có nhiệm vụ điều hành việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và Hội nghị BCH Hội giữa hai kỳ họp BCH.

2. Ban Thường trực gồm có Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên. Ban Thường trực định kỳ 6 tháng họp một lần, các phiên họp thường trực bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập hoặc khi có quá 1/2 số Ủy viên Ban Thường trực yêu cầu.

Điều 16. Nhiệm vụ của Chủ tịch Hội

Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, có nhiệm vụ:

1. Chủ trì các cuộc họp của BCH và Ban thường trực; Điều hành việc triển khai các nghị quyết của Đại hội, Hội nghị BCH và Ban Thường trực;

2. Quyết định thành lập các Ban chuyên môn của Hội, bổ nhiệm, bãi miễn Lãnh đạo các đơn vị thuộc hội, các Ban chuyên môn;

3. Ban hành các Quy chế quản lý và hoạt động của Hội; quyết định kết nạp hoặc xóa tên Hội viên;

4. Ban hành các Nghị quyết sau khi được Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường trực hội thông qua.

Điều 17. Nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc Chủ tịch Hội, được Chủ tịch ủy nhiệm phụ trách và điều hành một số mặt hoạt động chuyên môn của Hội. Một Phó Chủ tịch Hội phụ trách hoạt động của Hội tại khu vực phía Nam.

2. Phó Chủ tịch thường trực thay mặt Chủ tịch điều hành hoạt động của Hội khi Chủ tịch đi vắng.

Điều 18. Nhiệm vụ của Tổng Thư ký Hội

Tổng Thư ký do BCH Hội bầu ra, là người giúp việc Chủ tịch Hội, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Phụ trách điều hành hoạt động của Văn phòng Hội;

2. Xử lý công việc hàng ngày của Văn phòng Hội;

3. Báo cáo định kỳ, báo cáo hàng năm và báo cáo nhiệm kỳ của BCH cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

4. Ký các văn bản hành chính và một số văn bản khác theo sự phân công của Ban thường trực hoặc của Chủ tịch Hội.

Điều 19. Ban Kiểm tra của Hội

1. Ban Chấp hành bầu ra Ban Kiểm tra của Hội gồm: Trưởng ban, Phó Trưởng ban và một số ủy viên. Trưởng ban Kiểm tra phải là Ủy viên BCH Hội.

2. Ban Kiểm tra của Hội có nhiệm vụ:

a) Kiểm tra việc thực hiện Điều lệ của Hội;

b) Kiểm tra các hoạt động của BCH;

c) Kiểm tra tài chính của Hội;

d) Kiểm tra hoạt động của các Ban chuyên môn;

e) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu tố (nếu có).

3. Trưởng Ban Kiểm tra của Hội được mời tham gia Hội nghị thường kỳ của Ban Thường trực. Ban Kiểm tra có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra với BCH và có quyền kiến nghị những biện pháp cần thiết, kể cả kiến nghị triệu tập Đại hội bất thường để giải quyết các vấn đề quan trọng và cấp bách phát sinh.

Điều 20. Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn của Hội do Ban Thường trực đề nghị Chủ tịch Hội quyết định.

2. Văn phòng Hội và các Ban chuyên môn là bộ phận giúp việc cho Ban thường trực và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Hội hoặc Tổng Thư ký theo phân công của Chủ tịch Hội.

Điều 21. Thu nhập của cán bộ, nhân viên của cơ quan Hội

1. Các thành viên Ban chấp hành, Ban Kiểm tra nếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm thì được hưởng một khoản phụ cấp (nếu có) theo công việc được giao.

2. Các cán bộ, nhân viên làm việc thường xuyên hoặc theo vụ việc được ký hợp đồng lao động với Hội và được hưởng lương theo chế độ chính sách hiện hành và quy định của Hội.

3. Việc ký hợp đồng, tiền lương và mức phụ cấp do Ban Thường trực đề nghị Chủ tịch Hội quyết định.

Chương V

TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 22. Tài sản của Hội

1. Tài sản của Hội gồm: tài sản do cơ quan Nhà nước hỗ trợ, tài sản tự có của Hội, tài sản thuê dài hạn (nếu có). Toàn bộ tài sản phải được thể hiện đầy đủ trong sổ sách kế toán của Hội.

2. Văn phòng Hội có trách nhiệm quản lý, bảo vệ và sử dụng tài sản đúng mục đích và hiệu quả.

3. Nếu tài sản bị hư hỏng, không thể sửa chữa để tiếp tục sử dụng được thì Văn phòng Hội làm thủ tục thanh lý trình Chủ tịch Hội quyết định.

Điều 23. Tài chính của Hội

Tài chính của Hội gồm các nguồn thu:

1. Tiền hội phí của Hội viên;
2. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ của Hội;
3. Tiền tài trợ, tiền ủng hộ từ cơ quan nhà nước, từ Hội viên, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;
4. Thu khác.

Điều 24. Các khoản chi của Hội

1. Chi cho các hoạt động nghiệp vụ.
2. Chi thông tin, tuyên truyền, xuất bản, hội nghị, hội thảo.
3. Chi bồi dưỡng cập nhật kiến thức kế toán, kiểm toán, tài chính.
4. Chi hợp tác quốc tế.
5. Chi về lương và phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm công tác Hội.
6. Chi mua sắm tài sản.
7. Chi phí hành chính.
8. Các khoản chi khác.

Điều 25. Quản lý tài chính, kế toán

1. Tài chính, kế toán của Hội được quản lý theo Quy chế tài chính, kế toán của Hội, phù hợp pháp luật về tài chính, kế toán.

2. Báo cáo về tài chính hàng năm của Hội phải được kiểm toán và báo cáo trong Hội nghị Ban chấp hành, trong Đại hội nhiệm kỳ của Hội và công khai theo quy chế của Hội.

Điều 26. Giải thể và xử lý tài chính khi giải thể

1. Khi xét thấy hoạt động của Hội không có hiệu quả, không mang lại lợi ích cho Hội viên hoặc gây phiền hà, cản trở cho Hội viên thì BCH Hội quyết định triệu tập Đại hội để bàn biện pháp củng cố tổ chức hoặc giải thể Hội. Việc giải thể Hội do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn quốc của Hội thông qua và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Khi Hội bị giải thể, Ban Thường trực và Ban Kiểm tra của Hội phải tiến hành kiểm kê tài sản, kiểm quỹ và báo cáo BCH Hội quyết định việc xử lý tài sản, tiền tồn quỹ và tiến hành thủ tục giải thể theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 27. Khen thưởng

Hội viên các tổ chức Hội, cán bộ nhân

viên của Hội có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng và phát triển Hội được Hội khen thưởng hoặc đề nghị Nhà nước khen thưởng.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Hội viên, cán bộ nhân viên của Hội làm tổn hại đến uy tín, danh dự của Hội, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hội, thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Hội viên vi phạm pháp luật, bị khởi tố thì bị khai trừ ngay khỏi danh sách Hội viên.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Thể thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải do Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn quốc của Hội thông qua.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm 7 Chương, 30 Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc nhiệm kỳ V của Hội thông qua tại Hà Nội ngày 16 tháng 6 năm 2005 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Ban Chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này./.